

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2018/HS-ST
Ngày 12 – 3 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Hữu Dân

Ông Hoàng Việt Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Bình – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 12/3/2018 tại Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2018/TLST - HS ngày 12/02/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Quốc T** (tên gọi khác là **C**)

Sinh ngày: 03 tháng 8 năm 1998. Nơi sinh: tỉnh Đắk Lắk;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông: Nguyễn Xuân T - Sinh năm: 1976. Hiện trú tại Đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Con bà: Nguyễn Thị Tuyết L - Sinh năm: 1978. Hiện trú tại: Đường T, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H – Hiện trú tại: Thôn T, xã K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Nhân thân: Sinh ra và lớn lên tại tỉnh Đắk Lắk, được gia đình cho đi học đến hết lớp 7/12, sau đó nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình. Ngày 21/9/2016, phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị bắt, tạm giam ngày 09/11/2017, ngày 21/11/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** Anh Phạm Xuân H - Sinh năm 1995
Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông - Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Anh Trần H2 - Sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ dân phố F, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Phước T2 - Sinh năm: 1996. Địa chỉ: Tổ dân phố F, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

+ Anh Âu Công V - Sinh năm: 1985. Địa chỉ: Tổ dân phố G, phường A1, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết L - Sinh năm: 1978. Địa chỉ: Đường T, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn P - Sinh năm: 1971. Địa chỉ: Đường X, phường T.A, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

+ Bà Đỗ Thị V - Sinh năm: 1971. Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2016 anh Phạm Xuân H, sinh năm: 1995, trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông, điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Juitter, màu trắng xanh, biển số 48D1-201.31, số máy: E3S1E040408, số khung: 1340GY014457, đến phòng trọ của Nguyễn Việt T1 (tên gọi khác N), địa chỉ: Đường S, phường E, thành phố B, để chơi thì anh H gặp làm quen với Ngô Quốc T. Sau đó T1 mượn xe mô tô của anh H chờ T đi mua thuốc lá cỏ về hút, khi đi đến đường Y1, thành phố B, T nói T1 xuống xe đứng đợi để T điều khiển xe mô tô biển số 48D1-201.31 một mình đi mua thuốc lá cỏ về hút, trên đường đi thì xe hết xăng nên T mở cốp xe mô tô để đổ xăng thì thấy 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô (đều mang tên Phạm Xuân H). Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên T đã trộm cắp 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô của anh H mang đi cầm cố tại tiệm cầm đồ A (do anh Đặng Văn H3 là chủ tiệm), địa chỉ: Đường L, phường E, lấy số tiền 300.000 đồng. Số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết. Sau đó T1 và T về trả xe cho anh H.

Do cần tiền tiêu xài, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 48D1-201.31, của anh Phạm Xuân H nên T đến nhà Nguyễn Văn H1, địa chỉ: Đường X, phường T.A, thành phố B, rủ H1 tham gia chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển số 48D1- 201.31 của anh H đem đi cầm cố lấy tiền chia nhau tiêu xài. T và H1 bàn bạc, thống nhất với nhau là khi nào anh H đi chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển số 48D1- 201.31, đến thành phố B, để gặp T thì T sẽ dẫn H đến gặp H1 và để H không phát hiện, nghi ngờ thì T với H1 sẽ giả làm như không quen biết nhau. Sau đó H1 đi với H lừa lấy chiếc xe mô tô biển số 48D1-201.31 của anh H

Khoảng 19 giờ ngày 21/9/2016, H gọi điện thoại di động cho T để nhờ đi mua thuốc lá cỏ về hút thì T mượn chiếc xe mô tô, kiểu dáng Wave, màu xanh (chưa xác định biển số) của người bạn tên B (không rõ nhân thân, lai lịch) chờ H1 đến tiệm internet ở đường N, phường TL, thành phố B. Mục đích chờ T dẫn H đến để H1 cùng

H đi mua thuốc lá cỏ rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt xe mô tô của anh H. Sau đó T đã điều khiển xe mô tô, kiểu dáng Wave, màu xanh quay lại trả cho B. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, T dẫn H đến gặp H1 tại quán internet. Tại đây T và H1 giả vờ không quen biết nhau, T giới thiệu H1 tên là Z có thể đi mua được thuốc lá cỏ giúp H thì H tin tưởng nên H điều khiển xe mô tô biển số 48D1-201.31, chở H1 đến cuối đường Y1, thuộc phường TL, thành phố B. Lúc này H1 lấy lý do là phải đi mua thuốc lá cỏ một mình thì mới mua được nên nói H xuống xe đứng đợi để H1 một mình điều khiển xe mô tô biển số 48D1- 201.31, đi mua thuốc lá cỏ. H tin tưởng nên giao xe mô tô cho H1 để đi mua thuốc lá cỏ nhưng H1 không đi mua mà điều khiển xe mô tô chạy về hướng đường P, thành phố B. Sau đó H1 dùng điện thoại di động hiệu Nokia, màu trắng đen (không rõ sim số) gọi đến điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen (không rõ sim số) của T cho biết là đã chiếm đoạt được xe của anh H thì T nói với H1 đem đi cất giấu rồi tìm cách tiêu thụ sau. Do vậy H1 điều khiển xe mô tô chiếm đoạt của H cất giấu tại phòng trọ của một người phụ nữ tên H4 (chưa xác định được nhân thân lai lịch), thuê ở địa chỉ: Đường X, phường T.A, thành phố B.

Khoảng 10 giờ ngày 22/9/2016 T đến tiệm cầm đồ A chuộc lấy giấy đăng ký xe mô tô biển số 48D1-201.31 và giấy chứng minh nhân dân rồi cùng với H1 điều khiển xe mô tô đi đến Thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Trên đường đi H1 gọi điện thoại cho Trần H2, sinh năm: 1993, trú tại: Tổ dân phố F, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, nói cho H2 biết là H1 có một chiếc xe mô tô có đặc điểm nêu trên cần tìm nơi cầm cố thì H2 hẹn H1 mang xe mô tô đến thị xã B gặp H2. Khi đến thị xã B thì T ở lại nhà H2 rồi đưa giấy đăng ký xe mô tô biển số 48D1-201.31 và chứng minh nhân dân mang tên Phạm Xuân H cho H1 cùng H2 đi cầm cố nhưng không cầm cố được vì không chính chủ. Lúc này H2 gọi điện thoại cho Nguyễn Phước T2, sinh năm: 1996, trú tại: Tổ dân phố F, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, nhờ T2 đi cầm cố giúp xe mô tô biển số 48D1-201.31. H2, H1 điều khiển xe mô tô biển số 48D1-201.31 đến nhà T2 rồi chở T2 đến quán cà phê (không rõ địa chỉ) gần chợ Thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. H2 và H1 vào quán cà phê còn T2 điều khiển xe mô tô biển số 48D1-201.31 về nhà H2 chở T ra quán cà phê. Do giấy tờ xe không chính chủ nên H1, H2 điều khiển xe mô tô biển số 48D1-201.31, đi chụp hình H1 để thay vào chứng minh nhân dân mang tên Phạm Xuân H. Sau đó T2, H1 đi đến cổng chợ Thị xã B nhờ một người phụ nữ (không rõ lai lịch) ép lại chứng minh nhân dân có hình của H1 rồi đem chiếc xe mô tô biển số 48D1- 201.31 đến tiệm cầm đồ U, địa chỉ: Đường N, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, do anh Âu Công V làm chủ, cầm cố được số tiền 16.000.000 đồng. H1 lấy ra số tiền 1.000.000 đồng cho T2, còn lại 15.000.000 đồng H1 đưa cho T giữ. T lấy ra 1.000.000 đồng cho H2 và T2, còn lại số tiền 14.000.000 đồng T và H1 chia nhau tiêu xài cá nhân hết. Sau khi bị T và H1 chiếm đoạt xe mô tô biển số 48D1- 201.31 thì anh H đã trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, để xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/12/2016, anh Âu Công V đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, các tang vật chứng của vụ án gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân số 245245187; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 006934, đều mang tên Phạm Xuân H; 01 hợp đồng cầm cố và 01 xe mô tô hiệu Yamaha, biển số 48D1-201.31, để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 44/KLĐG ngày 22/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn

hiệu Yamaha Jupiter, màu sơn trắng xanh, số máy: E3S1E040408, số khung: 1340GY014457, biển số: 48D1-201.31, trị giá 21.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu sơn trắng xanh, số máy: E3S1E040408, số khung: 1340GY014457, biển số: 48D1-201.31, là tài sản của Phạm Xuân H. Ngày 19/01/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe này cho anh Phạm Xuân H nhận quản lý, sử dụng.

Tại Cơ quan điều tra, anh Phạm Xuân H đã khai nhận các giấy tờ gồm: 01 giấy chứng minh nhân dân số 245245187; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 006934, đều mang tên Phạm Xuân H. Sau khi bị Nguyễn Quốc T chiếm đoạt thì anh H đã làm lại các giấy tờ này nên không yêu cầu nhận lại các giấy tờ và không yêu cầu Cơ quan điều tra xử lý.

Ngày 14/12/2016 chị Nguyễn Thị Tuyết L (là mẹ của Nguyễn Quốc T) và anh Nguyễn Văn P (là cha của Nguyễn Văn H1) đã tự nguyện thoả thuận với anh Phạm Xuân H, bà Đỗ Thị V (là mẹ của anh Phạm Xuân H), bồi thường số tiền 7.000.000 đồng (tiền công chi phí đi lại trong khi xe mô tô bị chiếm đoạt); bồi thường cho anh Âu Công V số tiền 16.000.000 đồng (là số tiền cầm cố xe mô tô biển số 48D1-201.31). Bà V, anh H đã tự nguyện viết đơn bãi nại về trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Quốc T, Nguyễn Văn H1) và không yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 65/CT-VKSND TPBMT ngày 10/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Nguyễn Quốc T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Quốc T khai nhận hành vi phạm tội đúng như đã khai nhận tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột và phù hợp với nội dung truy tố tại bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Quốc T và giữ nguyên quyết định truy tố tại bản Cáo trạng số 65/CT-VKSND TPBMT ngày 10/02/2018. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T (tên gọi khác là C) phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T với mức án tù 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

- **Các biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu sơn trắng xanh, số máy: E3S1E040408, số khung: 1340GY014457, biển số: 48D1- 201.31, cho anh Phạm Xuân H nhận quản lý, sử dụng.

- Chấp nhận việc chị Nguyễn Thị Tuyết L (là mẹ của Nguyễn Quốc T) và anh Nguyễn Văn P (là cha của Nguyễn Văn H1) đã tự nguyện thoả thuận bồi thường với anh Phạm Xuân H, bà Đỗ Thị V (là mẹ của anh H) số tiền 7.000.000 đồng; bồi

thường cho anh Âu Công V số tiền 16.000.000 đồng (là số tiền cầm cố xe mô tô biển số 48D1-201.31).

- Tịch thu tiêu huỷ 01 Giấy chứng minh nhân dân số 245245187, mang tên Phạm Xuân H; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 006934, mang tên Phạm Xuân H do không còn có giá trị pháp lý.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không xuất trình thêm chứng cứ, tài liệu gì, bị cáo cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của bị cáo Nguyễn Quốc T (C) tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ pháp lý để kết luận, bị cáo Nguyễn Quốc T (C) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 139 BLHS 1999.

Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống, bị cáo biết được tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị xử phạt nghiêm khắc. Tuy nhiên do ý thức coi thường pháp luật, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Phạm Xuân H. Hành vi của bị cáo không những đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội địa phương. Với tính chất và mức độ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc và tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, qua xem xét, Hội đồng xét xử thấy rằng: sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn,

tài sản đã được thu giữ trả lại cho người bị hại; bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đã được những người này có đơn bãi nại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Từ những nhận định như đã nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định cũng đảm bảo được tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Ngoài ra trong vụ án này còn có bị can Nguyễn Văn H1 cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo Nguyễn Quốc T nhưng H1 đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã khi nào bắt được sẽ xử lý sau. Đối với hành vi của Nguyễn Văn H1, Trần H2 và Nguyễn Phước T2 là những người làm lại giấy chứng minh nhân dân và mang chiếc xe mô tô biển số 48D1-201.3, do T và H1 chiếm đoạt được đi cầm cố. Hiện chưa đủ căn cứ để xử lý; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột, ra Quyết định tách vụ án hình sự số 05 ngày 19/01/2018 để tiếp tục điều tra xác minh, làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp.

Đối với anh Âu Công V đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển số 48D1-201.31, do Nguyễn Quốc T, Nguyễn Văn H1 phạm tội mà có nhưng anh V không biết hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột, không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô kiểu dáng Wave, màu xanh (Chưa xác định đặc điểm, biển kiểm soát) bị cáo Nguyễn Quốc T mượn của người thanh niên tên B làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội; Người phụ nữ tên H4, là người cho bị can Nguyễn Văn H1 gửi chiếc xe mô tô biển số 48D1- 201.31 và người phụ nữ làm lại giấy chứng minh nhân dân, để các bị cáo T, bị can H1 đi tiêu thụ tài sản, do chưa xác định được nhân thân, lai lịch của những người này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, làm rõ và xử lý sau là phù hợp.

Đối với anh Đặng Văn H3 là người nhận cầm cố 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Phạm Xuân H. Anh H3 không biết do bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi mua thuốc lá cỏ của Nguyễn Quốc T, Nguyễn Văn H1, Phạm Xuân H do chưa xác định được người bán nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột, tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Nokia, màu trắng đen của Nguyễn Văn H1; chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu đen của bị cáo Nguyễn Quốc T. Sau khi phạm tội T, H1 đã vứt bỏ (không nhớ địa điểm) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột không thu giữ được nên không đề cập xử lý là phù hợp.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự 2015.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu sơn trắng xanh, số

máy: E3S1E040408, số khung: 1340GY014457, biển số: 48D1- 201.31 cho anh Phạm Xuân H nhận quản lý, sử dụng.

- Chấp nhận việc chị Nguyễn Thị Tuyết L (là mẹ của Nguyễn Quốc T) và anh Nguyễn Văn P (là cha của Nguyễn Văn H1) đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường với anh Phạm Xuân H, bà Đỗ Thị V (là mẹ của anh H) số tiền 7.000.000 đồng; bồi thường cho anh Âu Công V số tiền 16.000.000 đồng (là số tiền cầm cố xe mô tô biển số 48D1-201.31).

- Tịch thu tiêu huỷ 01 Giấy chứng minh nhân dân số 245245187, mang tên Phạm Xuân H; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 006934, mang tên Phạm Xuân H do không còn giá trị pháp lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Quốc T (C) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T (C) 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 tháng, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 09/11/2017 đến ngày 21/11/2017.

Giao bị cáo Nguyễn Quốc T (C) cho Ủy ban nhân dân Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

* **Các biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật dân sự 2015.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Tp. Buôn Ma Thuột, trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu sơn trắng xanh, số máy: E3S1E040408, số khung: 1340GY014457, biển số: 48D1- 201.31, cho anh Phạm Xuân H nhận quản lý, sử dụng.

- Chấp nhận việc chị Nguyễn Thị Tuyết L (là mẹ của Nguyễn Quốc T) và anh Nguyễn Văn P (là cha của Nguyễn Văn H1) đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường với anh Phạm Xuân H, bà Đỗ Thị V (là mẹ của anh H) số tiền 7.000.000 đồng; bồi thường cho anh Âu Công V số tiền 16.000.000 đồng.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 Giấy chứng minh nhân dân số 245245187, mang tên Phạm Xuân H; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 006934, mang tên Phạm Xuân H do không còn giá trị pháp lý.

* **Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người

có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tối cao ;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp.B
- Cơ quan THA phạt tù;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Các đương sự;
- Chánh án TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng TAND Tp BMT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Thu Trang